

## Tim trưởng thành

### 1. Vị trí và chiều hướng

Tim nằm trong lồng ngực, ở trung thất giữa, giữa hai lá phổi, trên cơ hoành, sau xương ức và xương sườn, hơi lệch sang trái. Tim hình tháp 3 mặt một đỉnh một nền. Đỉnh hướng ra trước sang trái. Nền hướng ra sau sang phải nên trục của tim là một đường chéo xuống dưới, sang trái và ra trước. Nếu lồng ngực càng rộng ngang thì trục của tim càng chéo xa đường thẳng đứng. Do vậy vị trí của tim có thể thay đổi theo cấu tạo lồng ngực và tư thế khi ngồi, khi nằm lúc thở ra hay hít vào.

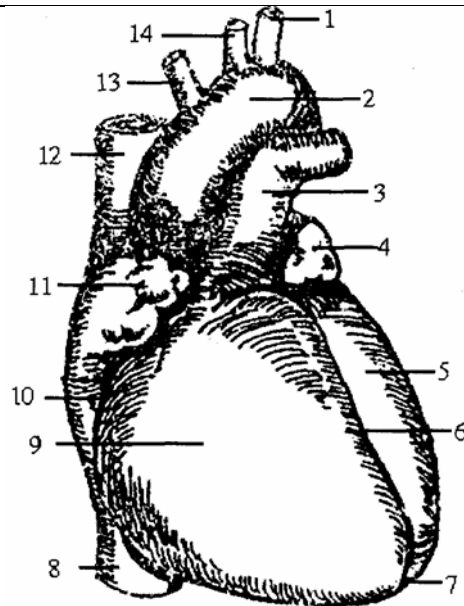
### 2. Hình thể ngoài và liên quan

Tim hình tháp 3 mặt, 1 đỉnh, 1 nền. Tim lúc sống màu đỏ hồng rắn chắc, trọng lượng tim ở người lớn là 270 gam (nam) và 260 gam (nữ).

#### 2.1. Mặt trước (facies anterior)

Gồm 2 phần, ngăn cách nhau bởi 1 rãnh nằm ngang gọi là rãnh nhĩ thất hay rãnh vành (sulcus coronarius).

1. Động mạch dưới tròn trái
2. Cung động mạch chủ
3. Thân động mạch phổi
4. Tiểu nhĩ trái
5. Tâm thất trái
6. Rãnh liên thất trước
7. Đỉnh tim
8. Tĩnh mạch chủ dưới
9. Tâm thất phải
10. Rãnh vành
11. Tiểu nhĩ phải
12. Tĩnh mạch chủ trên
13. Thân động mạch cánh tay đầu



<p>14. Động mạch cảnh chung trái Hình 1.31. Tim (nhìn phía trước)</p>	
---	--

- Phần trên (*phần tâm nhĩ*): ứng với các tâm nhĩ ở bên trong, các tâm nhĩ bị che lấp hết bởi các mạch máu lớn. Ở hai bên của nó có 2 tiểu nhĩ chìa ra trước (tiểu nhĩ phải ngắn và rộng, tiểu nhĩ trái dài và hẹp) giữa 2 tiểu nhĩ có động mạch chủ ở bên phải và động mạch phổi ở bên trái.

-Phần dưới (*phần tâm thất*): có rãnh dọc trước hay rãnh liên thất trước, trong rãnh có động mạch vành trái và tĩnh mạch vành lớn (*v. cordis magna*). Rãnh liên thất trước chia mặt trước thành 2 nửa, tâm thất phải chiếm 3/4 còn tâm trái chỉ chiếm 1/4.

Mặt trước liên quan với phổi, màng phổi, động mạch vú trong, cơ tam giác ức, tấm ức sườn. Ở trẻ em dưới 3 tuổi còn có tuyến ức nằm ngay sát trước các thân mạch máu lớn.

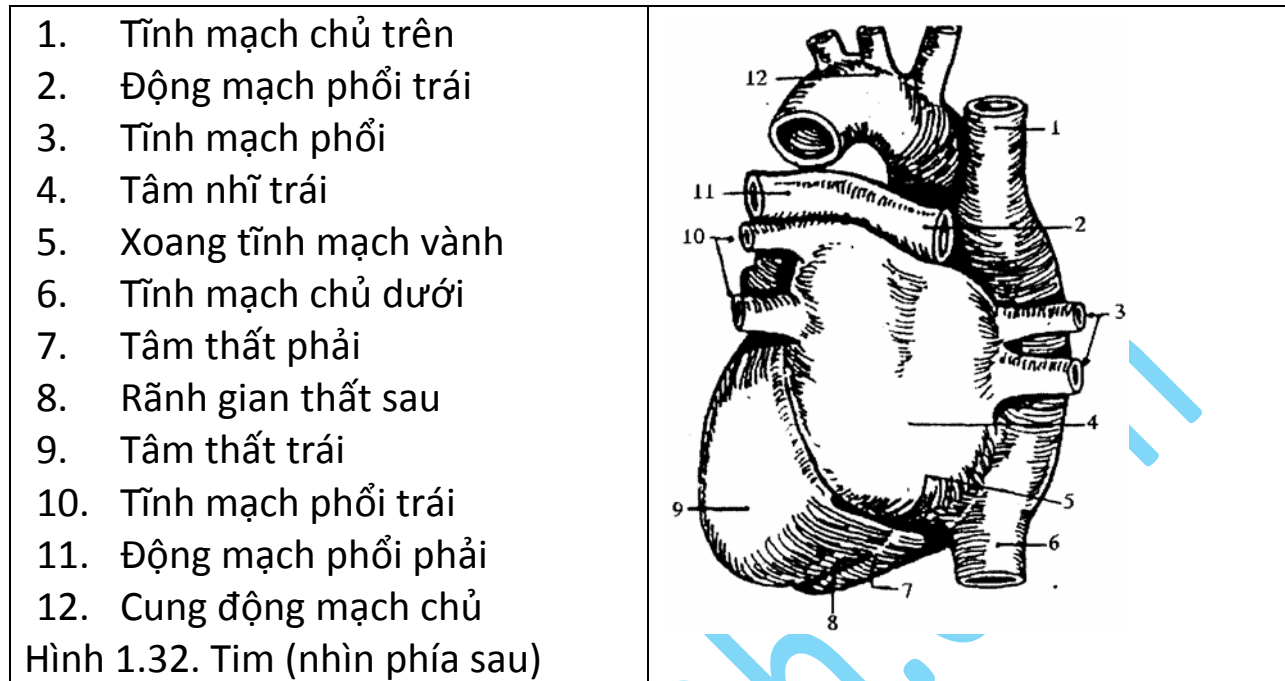
## 2.2. Mặt dưới (*facies inferior*) hay mặt hoành

Có rãnh vành chia thành 2 phần:

- Phần trên thuộc các tâm nhĩ. Đổ vào tâm nhĩ phải có tĩnh mạch chủ trên và tĩnh mạch chủ dưới. Tâm nhĩ trái quay hẳn ra sau, đổ vào tâm nhĩ trái có 4 tĩnh mạch phổi.

• Phần dưới thuộc tâm thất có rãnh dọc dưới hay rãnh liên thất dưới, rãnh chia mặt dưới thành 2 nửa. Nửa bên phải chiếm 1/4 tương ứng tâm thất phải, nửa bên trái chiếm 3/4 tương ứng tâm thất trái. Trong rãnh liên thất dưới có động mạch vành phải và một nhánh của tĩnh mạch vành.

Mặt dưới liên quan với cơ hoành, qua cơ hoành liên quan với thùy trái của gan, với phình vị lớn của dạ dày.



### 2.3. Mặt trái

Cũng có 2 phần do rãnh vành chia: (trong rãnh vành có động mạch mũ).

- Phần trên: thuộc tâm nhĩ trái, có tiểu nhĩ trái uốn cong hình chữ S, ôm lấy động mạch phổi.
- Phần dưới thuộc tâm thất trái liên quan với phổi và màng phổi. Mặt trái nằm gọn trong hố tim của phổi trái có dây thần kinh hoành trái, lách giữa mặt này với phổi và màng phổi trái.

### 2.4. Đáy tim (basis cordis)

Còn gọi là nền, trông ra sau, sang phải, ứng với các tâm nhĩ ở bên trong.

Bên phải là tâm nhĩ phải (*atrium dextrum*) quay sang phải có tĩnh mạch chủ trên, chủ dưới đổ vào tâm nhĩ phải.

Bên trái là tâm nhĩ trái (*atrium sinistrum*) quay hẳn ra sau có 4 tĩnh mạch phổi đổ vào.

Giữa 2 tâm nhĩ ngăn cách nhau bởi một rãnh dọc hay liên nhĩ.

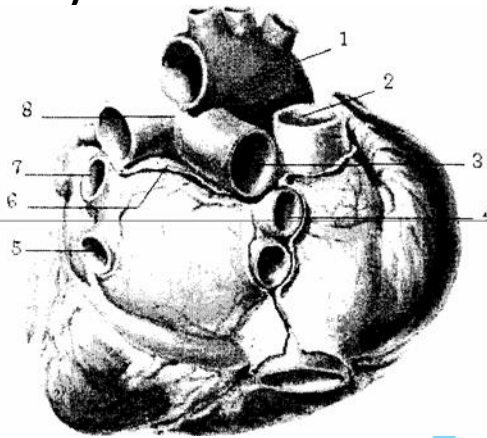
Bên phải là tâm nhĩ phải liên quan với thần kinh hoành phải, phổi và màng phổi phải.

- Bên trái là tâm nhĩ trái, có thực quản nằm sát ngay sau tâm nhĩ trái nên khi tâm

nhĩ trái phình to ra đè vào thực quản gây khó nuốt (*gặp trong bệnh hẹp van 2 lá*).

### 2.5. **Đỉnh tim (apex cordis)**

1. Động mạch chủ
2. Tĩnh mạch chủ trên
3. Tĩnh mạch phổi phải trên
4. Tĩnh mạch phổi phải dưới
5. Tĩnh mạch phổi trái dưới
6. Túi cùng Haller (xoang chéo)
7. Tĩnh mạch phổi trái trên
8. Động mạch phổi



### Hình 1.33. Đáy tim

Còn gọi là mỏm tim. Hướng ra trước và sang trái nằm trong khoang liên sườn V (*bên trái*) trên đường giữa đòn trái.